

Số: /CTr-UBND

Tủa Chùa, ngày tháng 8 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến nông trên địa bàn huyện Tủa Chùa giai đoạn 2022-2025

Căn cứ Công văn số 1564/SNN-KHTC ngày 08/7/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đề xuất, xây dựng Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2022-2025 và Kế hoạch khuyến nông năm 2022, UBND huyện Tủa Chùa xây dựng Chương trình khuyến nông trên địa bàn huyện Tủa Chùa giai đoạn 2022-2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Sự cần thiết xây dựng Chương trình

- Hiện sản xuất nông, lâm, thủy sản trên địa bàn huyện đã từng bước được nâng cao: Trong trồng trọt đã hình thành các vùng nguyên liệu gắn với chế biến, vùng chuyên canh hàng hóa tập trung; chăn nuôi có bước phát triển theo hướng gia trại, trang trại; lâm nghiệp từng bước chuyển từ khai thác tự nhiên là chủ yếu sang trồng rừng kinh tế, khoanh nuôi, phát triển rừng gỗ lớn.

- Bên cạnh những thành tựu đạt được trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, như: Phát triển sản xuất còn manh mún, tự phát, thiếu ổn định, quy mô sản xuất nhỏ lẻ và phân tán; trình độ sản xuất không đồng đều, chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao, khả năng cạnh tranh kém. Do vậy xây dựng Chương trình khuyến nông trên địa bàn huyện Tủa Chùa theo giai đoạn nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững bằng việc thực hiện các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao, mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện là rất cần thiết.

2. Căn cứ xây dựng Chương trình

- Nghị định số: 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

- Nghị định số: 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2015 của Chính Phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020;

- Quyết định số: 02/2021/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 của UBND tỉnh ban hành định về nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số: 252/2021/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp để tăng thu nhập, giảm nghèo, làm giàu, thích ứng với các điều kiện sinh thái, khí hậu và thị trường thông qua các nội dung, hình thức, phương thức hoạt động khuyến nông.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu trong huyện, tỉnh và xuất khẩu; thúc đẩy tiến trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; tăng cường khả năng chống chịu thiên tai; bảo đảm an ninh lương thực, ổn định kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể: Chuyển giao khoa học kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất cho nông dân, xây dựng mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản phù hợp với định hướng cơ cấu ngành nông nghiệp, hiệu quả kinh tế của các mô hình tăng ít nhất 15% so với sản xuất đại trà để nông dân học tập, làm theo.

III. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Triển khai công tác tuyên truyền, tập huấn, xây dựng mô hình khuyến nông trên một số loại cây trồng, vật nuôi chính trên địa bàn huyện.

2. Đối tượng: Là nông dân trực tiếp sản xuất, hợp tác xã, tổ hợp tác, khuyến nông cơ sở và các tổ chức sản xuất cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện.

IV. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH

1. Về đạo tạo tập huấn: Tổ chức 58 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho toàn thể các đối tượng tham gia chương trình khuyến nông từ cán bộ huyện, xã đến bà con nông dân trực tiếp sản xuất.

2. Về thông tin tuyên truyền: Các hoạt động thông tin, tuyên truyền được thực hiện thường xuyên và lồng ghép vào các hoạt động khác như các buổi tập huấn, họp thôn, trong quá trình thực hiện dự án.

3. Xây dựng và nhân rộng mô hình

3.1. Lĩnh vực trồng trọt

- Xây dựng và nhân rộng 10 mô hình: gồm 04 mô hình lúa, 04 mô hình ngô, 02 mô hình trồng rau an toàn sinh học. Tổng diện tích thực hiện 42 ha.

- Xây dựng 01 mô hình liên kết trồng cây dược liệu, diện tích 20ha.

3.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Xây dựng và nhân rộng 28 mô hình bao gồm:

- Chăn nuôi gia cầm, thủy cầm theo hướng an toàn sinh học: 12 mô hình (gà, ngan, vịt mỗi loại 04 mô hình)

- Chăn nuôi gia súc: 16 mô hình bao gồm:

- + Chăn nuôi lợn: 04 mô hình, quy mô 200 con giống
- + Chăn nuôi dê: 04 mô hình, quy mô 320 con giống
- + Chăn nuôi bò: 04 mô hình, quy mô 60 con giống
- + Chăn nuôi ngựa: 04 mô hình, quy mô 60 con giống

3.3. Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: Xây dựng và nhân rộng 08 mô hình gồm nuôi cá lồng và nuôi cá ao (mỗi loại 04 mô hình).

(Chi tiết như biểu kèm theo)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông

- Thực hiện rà soát, cập nhật, chọn lọc các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, mô hình sản xuất thiết thực, phù hợp với điều kiện địa phương để triển khai áp dụng trên diện rộng nhằm phát triển ngành nông nghiệp một cách bền vững, có hiệu quả về kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh áp dụng các phương pháp tiếp cận tiên tiến, có sự tham gia của người dân, nhất là phương pháp lớp học hiện trường (FFS); phương pháp giảng dạy lấy học viên làm trung tâm... vào hoạt động khuyến nông để nâng cao hiệu quả và tính bền vững.

- Tích cực tuyên truyền, nâng cao hiệu quả và tầm quan trọng của công tác khuyến nông trong công cuộc xóa đói giảm nghèo tại địa bàn. Thay đổi tư duy sản xuất lạc hậu sang sản xuất hàng hóa, chất lượng.

2. Mở rộng và cải tiến các kênh thông tin tuyên truyền để chuyển tải đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin cần thiết đến người dân

- Phổ biến chính xác, kịp thời, đầy đủ các thông tin về chủ trương, chính sách của Nhà nước, các định hướng của ngành về nông nghiệp, nông thôn; tuyên truyền các tiến bộ kỹ thuật, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp và hoạt động khuyến nông tới các cấp chính quyền, bà con nông dân.

- Có kế hoạch cụ thể để đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về kỹ năng truyền thông cho cán bộ khuyến nông các cấp như kỹ năng viết tin, bài, xây dựng tờ rơi, áp phích,... phát triển và cải tiến các kênh truyền thông cộng đồng về công tác khuyến nông qua hệ thống báo viết, báo hình, báo nói và báo điện tử; đồng thời cập nhật, đăng tải thông tin về giá cả, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tình hình hội nhập và cạnh tranh quốc tế đến tận người sản xuất.

- Thúc đẩy sự tham gia tích cực của các cấp vào hoạt động truyền thông, cập nhật thông tin một cách đa dạng, nhiều chiều, khách quan và kịp thời nhằm đưa ra các dự báo chính xác phục vụ chương trình phát triển nông nghiệp và nông thôn.

3. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông các cấp

- Tập trung nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác khuyến nông các cấp. Trong đó, ưu tiên cho việc đào tạo cán bộ khuyến nông huyện và xã. Chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, tinh thần, trách nhiệm

và thái độ phục vụ, đồng thời nâng cao kỹ năng giao tiếp, truyền đạt, tổ chức hội thảo, xây dựng mô hình và đánh giá các hoạt động khuyến nông.

4. Huy động tối đa các nguồn lực, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến nông

- Tranh thủ các nguồn lực thực hiện chương trình khuyến nông thông qua liên kết với Trung tâm Khuyến nông - giống cây trồng - vật nuôi của tỉnh, các đơn vị kỹ thuật trong ngành để tiếp nhận nhanh các tiên bộ kỹ thuật, công nghệ mới phục vụ sản xuất.

- Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí của các chương trình mục tiêu tiêu quốc gia trên địa bàn huyện và các nguồn vốn liên kết khác từ các dự án, các doanh nghiệp nông nghiệp để tăng cường và đa dạng hóa, xã hội hóa công tác khuyến nông, đưa tiên bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

- Tích cực triển khai các giải pháp huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia vào công tác khuyến nông, thông qua việc đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút các tổ chức xã hội tham gia... nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và tinh thần, trách nhiệm trong công tác khuyến nông.

5. Đẩy mạnh việc tổ chức các hình thức liên kết sản xuất nông nghiệp gắn với tiêu thụ sản phẩm, coi đây là một trong các giải pháp then chốt để phát triển nông nghiệp của huyện theo hướng tăng giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong thời gian tới

- Khuyến khích các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị... để tạo đầu ra bền vững cho sản phẩm, tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung mang lại thu nhập ổn định cho nông dân.

- Mạnh dạn thí điểm thực hiện cơ chế đối tác công tư (PPP) nhằm huy động, thu hút nguồn lực và sự tham gia của các doanh nghiệp vào hoạt động khuyến nông và tăng thu ngân sách cho địa phương.

VI - KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí

Nhu cầu kinh phí giai đoạn 2022 - 2025: **11.551.000.000** đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: **9.400.000.000** đồng.

- Huy động doanh nghiệp hỗ trợ, đối ứng của nông dân: **2.151.000.000** đồng.

2. Kinh phí phân theo tiến độ thực hiện:

T T	Nguồn kinh phí	Giai đoạn 2022 - 2025	Năm thực hiện			
			2022	2023	2024	2025
1	Ngân sách nhà nước	9.400.000.000	2.050.000.000	3.150.000.000	2.150.000.000	2.050.000.000
2	Đối ứng của người dân, doanh nghiệp	2.151.000.000	463.000.000	738.000.000	488.000.000	463.000.000
Tổng cộng		11.551.000.000	2.513.000.000	3.888.000.000	2.638.000.000	2.513.000.000

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp: Xây dựng nội dung, chương trình, lập kế hoạch, trực tiếp tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước UBND huyện về các hoạt động Khuyến nông. Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các xã triển khai thực hiện các lớp tập huấn, mô hình theo kế hoạch.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tham mưu cho UBND huyện thực hiện công tác chỉ đạo các Chương trình khuyến nông trên địa bàn huyện. Phối hợp với UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân về công tác khuyến nông, lồng ghép vào cùng các chương trình dự án nông nghiệp khác.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Nghiên cứu, tham mưu cho UBND huyện bố trí ngân sách địa phương hàng năm, nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn vốn Trung ương hỗ trợ để thực hiện chương trình.

5. Phòng Văn hóa và thông tin; Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện: Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, các cơ quan chuyên môn, đơn vị có liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến tới người dân về tầm quan trọng của công tác khuyến nông đối với phát triển ngành nông nghiệp.

6. UBND các xã, thị trấn: Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tuyên truyền đến người dân về công tác khuyến nông. Căn cứ nội dung Chương trình này và nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn, chỉ đạo trưởng các thôn bản, tổ dân phố phối hợp triển khai thực hiện các dự án, mô hình khuyến nông; chỉ đạo chuyển giao, nhân rộng các mô hình thành công vào sản xuất đại trà tại địa phương.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy; / (b/c)
- Thường trực HĐND;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng: NN&PTNT, TC-KH; VH&TT;
- Trung tâm DVNN, Trung tâm VH-TT-TH;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Tuân

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2025

(Kèm theo Chương trình số: 675 /CTr-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Quy mô/khối lượng	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng số hộ/người tham gia	Nguồn kinh phí (Triệu đồng)			Dự kiến kết quả/ Hiệu quả đạt được	Ghi chú		
						Tổng	Trong đó					
							Nhà nước hỗ trợ	ND đối ứng			Nguồn khác (nếu có)	
I	Đào tạo, tập huấn				1.360	800	800					
1	Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông xã và cộng tác viên thôn, bản	Nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ Khuyến nông, xã và cộng tác viên thôn bản	4 lớp/năm	Tại Trung tâm huyện, xã	480	200	200			Nâng cao năng lực cho khuyến nông, thú y xã và các cộng tác viên thôn bản nhằm đáp ứng được yêu cầu thực tiễn công tác khuyến nông ở cơ sở.		
2	Tập huấn kỹ thuật thời vụ, chuyển giao những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp cho nông dân	Giúp nông dân nắm bắt được KHKT và nâng cao năng lực sản xuất	6 lớp/năm	Tại Trung tâm xã	720	300	300			Các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới được áp dụng vào thực tế sản xuất một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương.		
3	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên môn của TTDVNN và chính quyền cơ sở trong lĩnh vực nông nghiệp	Nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên môn của Trung tâm DVNN và các cán bộ tại cơ sở làm công tác nông nghiệp	1 lớp/năm	Tại trung tâm huyện	100	100	100			Các cán bộ của TTDVNN và chính quyền cơ sở được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực nông nghiệp đáp ứng được yêu cầu thực tiễn công tác		
4	Thăm quan, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến nông và một số mô hình điển hình tiên tiến trong, ngoài tỉnh	Nâng cao năng lực cho các đối tượng tham gia	1 năm/chuyến	Trong và ngoài tỉnh	60	200	200			Các đối tượng tham gia được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, trong sản xuất đáp ứng được yêu cầu thực tiễn công tác và sản xuất tại cơ sở		
II	Xây dựng và nhân rộng mô hình				1.330	10.750	8.600	2.150				
1	Mô hình chăn nuôi vịt	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	6.500 con	Các xã trong huyện	200	1.000	800	200			Áp dụng khoa học kỹ thuật thực tế chăn nuôi một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa	04 mô hình
2	Mô hình chăn nuôi dê	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	320 con	Các xã trong huyện	80	1.000	800	200			Áp dụng khoa học kỹ thuật thực tế chăn nuôi một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa	04 mô hình
3	Mô hình chăn nuôi gà	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	6.500 con	Các xã trong huyện	200	1.000	800	200			Áp dụng khoa học kỹ thuật thực tế chăn nuôi một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa	04 mô hình

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Quy mô/khối lượng	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng số hộ/người tham gia	Nguồn kinh phí (Triệu đồng)			Dự kiến kết quả/ Hiệu quả đạt được	Ghi chú	
						Tổng	Trong đó				
							Nhà nước hỗ trợ	ND đối ứng			Nguồn khác (nếu có)
4	Mô hình sản xuất lúa	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	20 ha	Các xã trong huyện	120	375	300	75		Áp dụng khoa học kỹ thuật thực tế chăn nuôi một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa	04 mô hình
5	Mô hình sản xuất ngô	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	20 ha	Các xã trong huyện	120	250	200	50		Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất thực tế một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa	04 mô hình
6	Mô hình trồng rau an toàn sinh học	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa sạch, có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng	2	Thị trấn	20	250	200	50		Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất thực tế một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường	02 mô hình
7	Mô hình liên kết trồng cây dược liệu	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	20ha	Các xã trong huyện	50	1.250	1.000	250		Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất thực tế một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường	01 mô hình
8	Mô hình nuôi cá lồng	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	8 lồng	Xã Tùa Thành và Huổi Sô	40	500	400	100		Áp dụng khoa học kỹ thuật thực tế chăn nuôi một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa	04 mô hình
9	Mô hình nuôi cá ao	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	4,0 ha	Các xã trong huyện	80	1.000	800	200		Áp dụng khoa học kỹ thuật thực tế chăn nuôi một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa	04 mô hình

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu	Quy mô/khối lượng	Dự kiến địa điểm thực hiện	Tổng số hộ/người tham gia	Nguồn kinh phí (Triệu đồng)			Dự kiến kết quả/ Hiệu quả đạt được	Ghi chú
						Tổng	Trong đó			
							Nhà nước hỗ trợ	ND đối ứng		
10	Mô hình chăn nuôi ngan	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng xuất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	6.500 con	Các xã trong huyện	200	1.000	800	200	Áp dụng khoa học kỹ thuật thực tế chăn nuôi một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa	04 mô hình
11	Mô hình chăn nuôi lợn	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng xuất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	200 con	Các xã trong huyện	100	1.250	1.000	250	Áp dụng khoa học kỹ thuật thực tế chăn nuôi một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa	04 mô hình
12	Mô hình chăn nuôi bò	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng xuất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	60 con	Các xã trong huyện	60	938	750	188	Áp dụng khoa học kỹ thuật thực tế chăn nuôi một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa	04 mô hình
13	Mô hình chăn nuôi ngựa	Hỗ trợ kinh phí, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng xuất cho nông dân nghèo, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	60 con	Các xã trong huyện	60	938	750	188	Áp dụng khoa học kỹ thuật thực tế chăn nuôi một cách hiệu quả, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở địa phương. Thay đổi tư duy sản xuất nhỏ lẻ, hướng tới sản xuất hàng hóa	04 mô hình
Tổng cộng					2.690	11.550	9.400	2.150		

PHÂN KỲ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG GIAI ĐOẠN 2022-2025
(Kèm theo Chương trình số: 675 /CTr-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí	Nhà nước hỗ trợ					Đóng góp của người dân					Ghi chú
					Tổng	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	Đào tạo, tập huấn		58	800	800	200	200	200	200						
1	Ngân sách cấp tỉnh		20	300	300	75	75	75	75						
1.1	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên môn của TTĐVNN và chính quyền cơ sở trong lĩnh vực nông nghiệp	Lớp	4	100	100	25	25	25	25						
1.2	Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ khuyến nông xã và cộng tác viên thôn, bản	Lớp	16	200	200	50	50	50	50						
2	Ngân sách cấp huyện		38	500	500	125	125	125	125						
1.1	Tập huấn kỹ thuật thời vụ, chuyển giao những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất nông nghiệp cho nông dân	Lớp	24	300	300	75	75	75	75						
1.2	Thăm quan, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến nông và một số mô hình điển hình tiên tiến trong, ngoài tỉnh	Chuyên	4	200	200	50	50	50	50						
III	Xây dựng và nhân rộng mô hình			10.751	8.600	1.850	2.950	1.950	1.850	2.151	463	738	488	463	
1	Ngân sách cấp tỉnh			5.125	4.100	725	1.825	825	725	1.025	181	456	206	181	
1.1	Mô hình chăn nuôi vịt	Mô hình	4	1.000	800	200	200	200	200	200	50	50	50	50	6.500 con
1.2	Mô hình chăn nuôi dê	Mô hình	4	1.000	800	200	200	200	200	200	50	50	50	50	320 con

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Tổng kinh phí	Nhà nước hỗ trợ					Đóng góp của người dân					Ghi chú
					Tổng	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1.3	Mô hình chăn nuôi gà	Mô hình	4	1.000	800	200	200	200	200	200	50	50	50	50	6.500 con
1.4	Mô hình liên kết trồng cây dược liệu	Mô hình	1	1.250	1.000		1.000			250		250			20ha
1.5	Mô hình trồng rau an toàn sinh học	Mô hình	2	250	200		100	100		50		25	25		02ha
1.6	Mô hình sản xuất lúa	Mô hình	4	375	300	75	75	75	75	75	19	19	19	19	20ha
1.7	Mô hình sản xuất ngô	Mô hình	4	250	200	50	50	50	50	50	13	13	13	13	20ha
2	Ngân sách cấp huyện			5.626	4.500	1.125	1.125	1.125	1.125	1.126	282	282	282	282	
1.1	Mô hình nuôi cá lồng	Mô hình	4	500	400	100	100	100	100	100	25	25	25	25	8 lồng
1.2	Mô hình nuôi cá ao	Mô hình	4	1.000	800	200	200	200	200	200	50	50	50	50	4 ha
1.3	Mô hình chăn nuôi ngan	Mô hình	4	1.000	800	200	200	200	200	200	50	50	50	50	6.500 con
1.4	Mô hình chăn nuôi lợn	Mô hình	4	1.250	1.000	250	250	250	250	250	63	63	63	63	200 con
1.5	Mô hình chăn nuôi bò	Mô hình	4	938	750	188	188	188	188	188	47	47	47	47	60 con
1.6	Mô hình chăn nuôi ngựa	Mô hình	4	938	750	188	188	188	188	188	47	47	47	47	60 con
Tổng cộng				11.551	9.400	2.050	3.150	2.150	2.050	2.151	463	738	488	463	